

Số: /KL-TTT

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 9 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn huyện Mộ Đức

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trên địa bàn huyện Mộ Đức (sau đây viết tắt là *Chỉ thị 09*) tại Báo cáo số 02/BC-ĐTTr ngày 18/6/2021 của Trưởng đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định số 175/QĐ-TTT ngày 13/11/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi; các báo cáo giải trình của các cơ quan liên quan, Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

1. Huyện Mộ Đức là huyện đồng bằng ven biển, nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi. Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính (gồm 12 xã và 01 thị trấn) với tổng diện tích tự nhiên là 21.568,29 ha, trong đó: đất nông nghiệp là 17.189,78 ha (Chiếm 79,7% tổng diện tích tự nhiên); đất phi nông nghiệp là 4.076,28 ha (Chiếm 18,9% tổng diện tích tự nhiên); đất chưa sử dụng là 302,23ha (Chiếm 1,4% tổng diện tích tự nhiên).

2. UBND huyện Mộ Đức đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị 09; tổ chức lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo Hướng dẫn số 3869/HD-STNMT ngày 22/8/2018, sau đó được thay thế bởi văn bản số 2704/HDKT-STNMT ngày 06/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về lập hệ thống hồ sơ quản lý đối với đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là *Hướng dẫn 2704*).

Kết quả thực hiện đã giúp khắc phục dần những tồn tại, hạn chế, yếu kém; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý.

II. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

1. Việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị 09 thuộc trách nhiệm của UBND huyện.

Trước khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 09, Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức đã chủ động triển khai công tác quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn toàn huyện, đã ban hành Kế hoạch rà soát, tổng hợp, lập hồ sơ quản lý đất công ích

và các loại đất sản xuất nông nghiệp khác do UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện¹, đã thành lập Ban chỉ đạo² thực hiện Kế hoạch.

Sau khi có Chỉ thị số 09, UBND huyện Mộ Đức tiếp tục kiện toàn Tổ công tác thực hiện kế hoạch rà soát, tổng hợp, lập hồ sơ quản lý; ban hành nhiều văn bản³ triển khai, chỉ đạo việc tăng cường quản lý đất công ích và các loại nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng. Tuy nhiên Ban chỉ đạo chưa xây dựng Quy chế hoạt động để làm cơ sở thực hiện. Qua thanh tra nhận thấy trong hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường không có hướng dẫn về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo cấp huyện, tuy nhiên do không có quy chế nên dẫn đến thiếu căn cứ cho việc áp dụng trình tự, thủ tục trong giải quyết công việc của Ban chỉ đạo, không có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên... đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả, chất lượng công việc của Ban chỉ đạo.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện với vai trò là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, đã tham mưu Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo và trực tiếp ban hành nhiều văn bản⁴ triển khai thực hiện, báo cáo⁵ cho Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện Chỉ thị số 09 và Hướng dẫn số 2704, đồng thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn tháo gỡ, xử lý. Tuy nhiên chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo của huyện, không tham mưu ban hành Quy chế hoạt động, chậm đề xuất giải pháp hiệu quả để thúc đẩy việc thực hiện trên địa bàn, dẫn đến chậm hoàn thành Chỉ thị 09 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Đối với 04 xã, thị trấn được thanh tra đều đã thành lập, kiện toàn Tổ công tác⁶ để thực hiện rà soát, kiểm tra việc lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng. Tổ công tác

¹ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 01/3/2018;

² Quyết định số 1520/QĐ-UBND, Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 03/4/2018;

³ Công văn số 597/UBND-NC ngày 21/6/2018 v/v thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND; Công văn số 1171/UBND-NC ngày 16/10/2019 v/v tiếp tục thực hiện chỉ thị số 09/CT-UBND; các Công văn số 222/UBND-KT ngày 24/3/2020 và số 784/UBND-KT ngày 31/8/2020 v/v khẩn trương thực hiện Chỉ thị số 09; Công văn số 1077/UBND-NC ngày 18/11/2020 v/v báo cáo thực hiện Chỉ thị số 09.

⁴ Công văn số 42/TNMT ngày 11/4/2018 v/v hướng dẫn rà soát, tổng hợp, lập hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Mộ Đức; Công văn số 159/TNMT ngày 21/11/2018 v/v lập nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch lập hồ sơ quỹ đất công ích và đất nông nghiệp chưa giao; Công văn số 13/TNMT ngày 14/02/2019 v/v thực hiện và lập Đề cương - Dự toán lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Mộ Đức; Công văn số 57/TNMT ngày 08/6/2020 v/v thực hiện chỉ thị số 09; Công văn số 79/TNMT ngày 07/8/2020 v/v thực hiện Hướng dẫn kỹ thuật số 2704/HDKT-STNMT ngày 06/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh; Công văn số 88/TNMT ngày 18/8/2020 v/v khẩn trương thực hiện Chỉ thị số 09 và Công văn số 112/TNMT ngày 26/10/2020 v/v báo cáo và giao nộp hồ sơ thực hiện Chỉ thị số 09...

⁵ Các Báo cáo: số 38/BC-UBND ngày 27/02/2020; số 73/BC-UBND ngày 01/4/2020; số 98/BC-UBND ngày 07/5/2020; số 124/BC-UBND ngày 29/5/2020; số 195/BC-UBND ngày 31/7/2020; số 221/BC-UBND ngày 28/8/2020; số 245/BC-UBND ngày 02/10/2020; số 281/BC-UBND ngày 04/11/2020; số 302/BC-UBND ngày 18/11/2020

⁶ Xã Đức Phú: Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 08/3/2018; Xã Đức Hiệp: Quyết định số 60a/QĐ-UBND ngày 10/5/2018; Xã Đức Nhuận: Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 18/4/2018; Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 và Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/8/2020; Thị trấn Mộ Đức: Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 28/4/2018 và Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 20/8/2018.

đã xây dựng, trình UBND cấp xã ban hành các văn bản⁷ để tổ chức thực hiện việc rà soát, đối chiếu, thống kê và đi thực địa kiểm tra hiện trạng. Tuy nhiên, các Tổ công tác không xây dựng quy chế làm việc, chưa phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Tổ để làm cơ sở thực hiện. Khi có sự thay đổi về các chức danh Chủ tịch UBND xã, công chức địa chính - xây dựng, xã Đức Phú chưa kịp thời kiện toàn Tổ công tác, chưa thực hiện đầy đủ việc lập thủ tục bàn giao hồ sơ quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng để quản lý được chặt chẽ và có hệ thống. Ngoài ra, công chức địa chính cấp xã⁸ cập nhật, theo dõi các biến động về quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác chưa chặt chẽ, chủ yếu chỉ thực hiện trên hồ sơ mà chưa chú trọng đến việc kiểm tra, rà soát trên thực địa.

2. Việc lập Đề cương, nhiệm vụ và xây dựng dự toán lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn; việc bố trí và sử dụng kinh phí ngân sách địa phương để thực hiện.

Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức đã phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và đất nông nghiệp khác tại Quyết định 2787/QĐ-UBND ngày 18/8/2020, tổng kinh phí thực hiện là 3.854.913.000 đồng⁹. Theo đó, UBND các xã, thị trấn được giao làm chủ đầu tư đã tiến hành lựa chọn nhà thầu và phê duyệt đơn vị nhận thầu theo hình thức chỉ định thầu¹⁰, ký kết hợp đồng trọn gói để thực hiện. Tại thời điểm thanh tra, dự án còn đang triển khai thực hiện, chưa nghiệm thu, quyết toán.

Qua thanh tra cho thấy UBND huyện đã quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ trên, tuy nhiên việc triển khai còn chậm tiến độ, chưa kịp thời theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Riêng trong năm 2020, đến thời điểm thanh tra UBND huyện Mộ Đức chưa phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ vì lý do nguồn kinh phí trích 20% từ tiền sử dụng đất để bố trí cho công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong năm 2020 quá ít, không đủ để bố trí cho các xã, thị trấn.

⁷ Xã Đức Phú: Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/3/2018; Thông báo số 34/TB-UBND ngày 14/5/2018; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 28/8/2020. Xã Đức Hiệp: Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 23/4/2018; Thông báo số 21/TB-UBND ngày 23/4/2018; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 26/8/2020 và Thông báo số 38/TB-UBND ngày 28/8/2020. Xã Đức Nhuận: Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 22/3/2018; Thông báo số 51/TB-UBND ngày 05/7/2018; Thông báo số 56/TB-UBND ngày 13/7/2018; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 27/8/2020; Thông báo số 59/TB-UBND ngày 01/9/2020 và Thông báo số 79/TB-UBND ngày 17/12/2020. Thị trấn Mộ Đức: Kế hoạch số 10a/KH-UBND ngày 15/3/2018; Thông báo số 24/TB-UBND ngày 09/5/2018; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/8/2020; Thông báo số 86a/TB-UBND ngày 11/12/2020.

⁸ Cụ thể như: Đức Phú, Đức Hiệp, thị trấn Mộ Đức. Riêng xã Đức Nhuận, việc rà soát quỹ đất công ích được tổ chức chặt chẽ hơn, đã thành lập Hội đồng soát xét và đấu giá đất công ích trên địa bàn xã; hàng năm Hội đồng tổ chức kiểm tra, rà soát trên thực địa, đối chiếu với hồ sơ quản lý của UBND xã để lập danh sách các thửa đất công ích trên địa bàn xã, từ đó lấy kết quả rà soát để tổ chức đấu giá cho thuê đất công ích theo quy định.

⁹ Xã Đức Chánh: 290.635.000 đồng; Xã Đức Hiệp: 79.502.000 đồng; Xã Đức Hòa: 318.129.000 đồng; Xã Đức Lân: 316.484.000 đồng; Xã Đức Lợi: 52.534.000 đồng; Xã Đức Minh: 496.071.000 đồng; Xã Đức Nhuận: 174.629.000 đồng; Xã Đức Phong: 497.980.000 đồng; Xã Đức Phú: 309.407.000 đồng; Xã Đức Thắng: 325.744.000 đồng; Xã Đức Thạnh: 327.410.000 đồng; Xã Đức Tân: 234.619.000 đồng; Thị trấn Mộ Đức: 431.769.000 đồng.

¹⁰ Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ Hưng Thịnh.

3. Kết quả lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo Hướng dẫn 2704.

3.1. Đối với việc thu thập, đánh giá hồ sơ, tài liệu:

Về thu thập tài liệu, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện cơ bản đúng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên do tồn tại lịch sử để lại nên hồ sơ tài liệu thu thập được không toàn diện và đầy đủ.

Việc phân tích, đánh giá tài liệu của đơn vị tư vấn cho thấy cơ bản xác định được khối lượng các thửa đất công ích và đất nông nghiệp khác trên địa bàn các xã, thị trấn để tiến hành các bước tiếp theo. Tuy nhiên do tài liệu có nhiều nguồn khác nhau, qua đánh giá, phân tích còn có khó khăn do nhiều nguyên nhân lịch sử để lại¹¹ cũng dẫn đến chậm tiến độ thực hiện.

Kết quả thanh tra tại 04 đơn vị cho thấy tài liệu UBND các xã, thị trấn đã thu thập là khá đa dạng, không địa phương nào giống địa phương nào, trải dài qua các thời kỳ lịch sử, tùy thuộc vào hồ sơ địa chính và đặc thù công tác quản lý đất đai của từng địa phương. Tuy nhiên, việc thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu chưa thực hiện chặt chẽ theo Hướng dẫn số 2704, chưa thu thập bổ sung để lựa chọn những tài liệu có đủ tính pháp lý, tính kế thừa để làm cơ sở cho các bước tiếp theo, từ đó dẫn đến việc xác lập thông tin về các thửa đất tại Phụ lục số 06, 07 còn nhiều thửa đất chưa đảm bảo tính chính xác với thực tế quản lý, sử dụng và quá trình biến động của từng thửa đất, có tình trạng sai sót như tại cả 04 đơn vị được nêu cụ thể ở phần sau.

3.2. Đối với công tác đo đạc bổ sung, chỉnh lý biến động bản đồ.

Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo công việc đo đạc bổ sung, chỉnh lý biến động bản đồ theo Hướng dẫn 2704 đối với 13/13 xã, thị trấn đã hoàn thành. Tuy nhiên qua thanh tra cụ thể tại 04 xã, thị trấn cho thấy các bản đồ địa chính theo mẫu Phụ lục số 01 chưa được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Đối với công tác kê khai đăng ký, xét duyệt hồ sơ.

Tính đến thời điểm thanh tra, các xã, thị trấn đã hoàn thành việc kê khai đăng ký, xác định khối lượng là 1.077,1ha/11.394 thửa, trong đó: Diện tích đất công ích là 414,5 ha/5.647 thửa và diện tích đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý là 662,6ha/5.747 thửa. Đã hoàn thành việc họp khu dân cư và tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký, xét duyệt hồ sơ. Tuy nhiên, do số lượng biên chế chưa đảm bảo nên Phòng Tài nguyên và Môi trường không cử đại diện tham dự đầy đủ các cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư theo hướng dẫn.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh huyện Mộ Đức, UBND các xã, thị trấn và đơn

¹¹ Tập tin (file) số bản đồ năm 1993 chưa hoàn thiện, bản đồ được số hóa năm 2006 khi tham chiếu lên các tờ bản đồ thì số liệu chưa chính xác; hợp đồng thuê đất không đủ thông tin số tờ bản đồ, số thửa...

vị tư vấn tổ chức thẩm định, thông qua hồ sơ tại 07/13 xã, thị trấn¹². Qua thẩm định đã kịp thời phát hiện các sai sót của UBND cấp xã¹³ và đã yêu cầu kiểm tra, rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ để thẩm định lại kịp thời. Tại thời điểm thanh tra có 07/13 xã, thị trấn đang thực hiện thủ tục ghi nội dung xác nhận của UBND cấp xã vào Mục II của các đơn đăng ký, chưa đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh huyện Mộ Đức thẩm định. Còn lại 06/13 xã thì đang tiếp tục thực hiện các bước theo Hướng dẫn 2704. Nhìn chung, tiến độ thực hiện là chậm so với chỉ đạo của UBND tỉnh.

3.4. Kết quả thanh tra tại 04 xã, thị trấn trong việc kê khai, đăng ký lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác.

- Xã Đức Hiệp:

+ Có thiếu sót 04¹⁴ thửa đất nông nghiệp do UBND xã quản lý chưa cập nhật vào phụ lục số 06.

+ Xác định nhầm lẫn giữa đất công ích và đất nông nghiệp khác¹⁵.

+ Có 94,73ha đất rừng sản xuất nằm vị trí núi Vom thuộc các tờ bản đồ số 6, 7, 9, 10 xã Đức Hiệp (*Bản đồ đo vẽ năm 2004*), không có giải thửa và hồ sơ địa chính. Theo sổ mục kê đất đai năm 2003 thì thể hiện toàn bộ diện tích trên là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý nhưng khi thực hiện Chỉ thị 09, UBND xã và đơn vị tư vấn không rà soát, đối chiếu với thực địa để tổng hợp, đo đạc bổ sung, biên tập bản đồ và thể hiện vào các Phụ lục số 06, 07 theo đúng Hướng dẫn 2704 dẫn đến trong nhiều năm qua, xác lập thông tin theo hồ sơ là đất UBND xã quản lý nhưng trên thực tế lại do người dân đang quản lý sử dụng trồng bạch đàn, keo mà không có các thủ tục pháp lý nào liên quan theo quy định, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tranh chấp, khiếu nại. Nguyên nhân của tình trạng này một phần là do tồn tại trong quản lý đất đai lịch sử để lại, qua các thời kỳ lập hồ sơ địa chính thì khu vực này chưa được đo đạc, xác định số thửa, diện tích, ranh giới rõ ràng, dẫn đến thiếu căn cứ xác lập thủ tục quản lý của chính quyền. Tuy nhiên, UBND xã để kéo dài nhiều năm không có biện pháp xử lý dứt điểm, cũng không báo cáo đề xuất cụ thể với UBND huyện để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định pháp luật là chưa thực hiện đúng trách nhiệm trong quản lý nhà nước về đất đai. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng Chỉ thị 09 và Hướng dẫn 2704, UBND xã cần có biện pháp khắc phục cụ thể, quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn vướng mắc thì báo cáo, kiến nghị UBND huyện hỗ trợ, giải quyết theo thẩm quyền.

¹² Gồm: Đức Hòa, Đức Minh, Đức Chánh, Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Nhuận, Thị trấn Mộ Đức với kết quả: Đất công ích 192,6 ha/2.728 thửa; đất UBND xã quản lý: 257,5 ha/3.093 thửa. Trong đó, tổng số thửa thông qua: Đất công ích 414,5 ha/5.647 thửa; đất UBND xã quản lý 662,6ha/5.747 thửa; có 03 thửa/0,21 ha không đủ điều kiện kê khai đăng ký.

¹³ Đất của hộ gia đình, cá nhân 01 trường hợp tại 01thửa/0,08ha UBND xã Đức Hòa rà soát nhầm thửa đất giao theo Nghị định số 64/CP; đất có nguồn gốc chưa được xác minh 02 trường hợp tại 02 thửa/0,13ha của xã Đức Nhuận nhưng UBND các xã vẫn lập danh sách tổng hợp vào các Phụ lục 06, 07 để trình thẩm định.

¹⁴ Gồm: thửa số 59, diện tích 759,7m² loại đất BHK; thửa số 60, diện tích 551,9m² loại đất BHK; thửa số 61, diện tích 563,5m² loại đất BHK; thửa số 62, diện tích 111,3m² loại đất BHK, cùng thuộc Tờ bản đồ số 1.

¹⁵ Thửa đất số 758, diện tích 254m² loại đất LUC, tờ bản đồ số 2 là đất công ích nhưng lại được tổng hợp vào danh sách đất nông nghiệp khác theo Phụ lục số 07.

- Xã Đức Nhuận:

+ Thiếu sót 02 thửa đất nông nghiệp¹⁶ do UBND xã quản lý tại Tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 2004 chưa bổ sung vào phụ lục số 06, 07.

+ Xác định tình trạng pháp lý của các thửa đất công ích còn chưa đảm bảo tính chính xác¹⁷.

- Thị trấn Mộ Đức:

+ Tại thời điểm thanh tra chỉ lập hồ sơ đối với 380 thửa trong tổng số 393 thửa đất công ích và 641 thửa trong tổng số 950 thửa đất nông nghiệp khác, phần diện tích còn lại UBND thị trấn cho rằng chưa xác lập được hồ sơ pháp lý nên không tổng hợp vào hồ sơ là chưa tuân thủ đúng Hướng dẫn số 2704.

+ Chưa lập hồ sơ 01 thửa đất nông nghiệp do UBND thị trấn quản lý tại tờ bản đồ số 21, đo vẽ năm 2004 (*Thửa số 160, diện tích 557m², loại đất LUC*).

+ Đối với 02 thửa (*Thửa số 17, diện tích 314m² loại đất LUC; thửa số 179, diện tích 312m², loại đất LUC*) tại tờ bản đồ số 21, qua xem xét giải trình của UBND thị trấn cho thấy chưa đủ cơ sở để khẳng định đây là đất nông nghiệp do UBND thị trấn quản lý khi chỉ căn cứ vào Bảng thống kê diện tích, loại đất theo hiện trạng do UBND thị trấn lập năm 2000 vì tài liệu này không có xác nhận của cấp có thẩm quyền, chưa đảm bảo tính pháp lý; tuy nhiên đây là tài liệu duy nhất liên quan đến việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích và đất nông nghiệp khác do UBND thị trấn quản lý, sử dụng từ trước đến nay, ngoài ra cũng không có tài liệu thể hiện việc giao các thửa đất trên cho hộ gia đình cá nhân theo Nghị định 64/CP, do đó nhằm tránh tình trạng thiếu sót, đồng thời thực hiện theo đúng Hướng dẫn 2704 thì 02 thửa nêu trên vẫn phải được đo vẽ, biên tập, tô màu vào Phụ lục số 01, 06, 07 với tình trạng pháp lý được thể hiện là chưa xác lập đầy đủ hồ sơ pháp lý để tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh.

- Xã Đức Phú:

+ Kiểm tra mẫu một số thửa đất nông nghiệp do UBND xã quản lý hiện đang ký kết hợp đồng cho hộ gia đình cá nhân thuê để canh tác, sản xuất thì bỏ sót 02 thửa đất công ích tại Tờ bản đồ số 9 (*thửa số 685, diện tích 536m², loại đất BHK; thửa số 686, diện tích 514m², loại đất BHK*); 01 thửa đất nông nghiệp do UBND xã quản lý (*phần diện tích 70m², loại đất BHK thuộc tờ bản đồ số 17, hiện đang cho ông Mai Thanh Vũ thuê*) và thửa số 211, tờ bản đồ 28, diện tích 2717m², loại đất TSO trước đây do Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phước Lộc quản lý, được UBND xã tổ chức đấu giá cho ông Nguyễn Giáp Thìn thuê phần diện tích 230m².

+ Xác định tình trạng pháp lý của các thửa đất nông nghiệp khác tại Phụ lục số 07 chưa chính xác: UBND xã xác định có 179 thửa với diện tích

¹⁶ Thửa số 1, diện tích 42.750m² loại đất BCS và thửa số 2, diện tích 249m² loại đất BHK

¹⁷ Hồ sơ thể hiện tình trạng pháp lý của 395 thửa đất công ích là 394 thửa đã cho thuê, mượn nhưng không xác lập đủ hợp đồng thuê, không có giấy tờ mượn và 01 thửa UBND xã quản lý, không cho thuê, cho mượn. tuy nhiên qua kiểm tra có 184 thửa, diện tích 102.784m² đã được UBND xã tổ chức đấu giá, ký kết hợp đồng cho thuê có thu tiền thuê đất hàng năm.

270.178m² hiện UBND xã đang quản lý, chưa cho thuê và 333 thửa với diện tích 667.452m² hiện đang cho người dân sử dụng, không xác lập hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên qua thanh tra cho thấy, tại thời điểm thanh tra có nhiều thửa đất nông nghiệp đã được UBND xã ký hợp đồng cho thuê theo phương thức đấu giá đất, thời gian bắt đầu cho thuê từ tháng 11/2020 là có đủ căn cứ pháp lý để xác lập hồ sơ theo hướng dẫn 2704.

4. Việc xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa để tạo quỹ đất tập trung.

Qua thanh tra tại 04 xã, thị trấn cho thấy các địa phương chưa xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng để tạo thành quỹ đất tập trung, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Nguyên nhân chưa thực hiện là do khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, các xã, thị trấn để lại quỹ đất công ích có diện tích manh mún, nhỏ lẻ, nằm phân tán; trong khi đó công tác dồn điền, đổi thửa hiện nay chỉ tập trung ở những vùng thuận lợi, liên vùng để tạo ra cánh đồng lớn nên diện tích đất công ích để lại không được đưa vào vùng quy hoạch để dồn điền đổi thửa.

5. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích.

Qua thanh tra tại 04 xã, thị trấn cho thấy các xã, thị trấn cơ bản tuân thủ theo đúng Điều 132 Luật Đất đai, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, sai sót như sau:

- Ký kết hợp đồng cho thuê đất công ích với hộ gia đình, cá nhân chưa đúng mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vẫn còn tình trạng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân canh tác, sản xuất trên các thửa đất công ích nhưng chưa được UBND xã ký hợp đồng cho thuê đất (*Xã Đức Phú có 120 thửa¹⁸; Xã Đức Hiệp: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 181 thửa; Xã Đức Nhuận: hộ gia đình, cá nhân canh tác, sử dụng không thường xuyên 221 thửa; thị trấn Mộ Đức: hộ gia đình, cá nhân canh tác, sử dụng không thường xuyên 239 thửa*).

III. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM.

1. Nguyên nhân.

- Việc quản lý quỹ đất này qua các thời kỳ còn nhiều tồn tại hạn chế do lịch sử để lại, trong thời gian dài chưa được chú trọng quan tâm để có giải pháp khắc phục đúng mức; pháp luật về đất đai luôn thay đổi, quy định về quản lý và cho thuê đối với đất nông nghiệp khác do cấp xã quản lý còn có bất cập, chưa sát thực tiễn.

¹⁸Các chi hội: Cựu chiến binh, Người cao tuổi, Nông dân, Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên của 05 thôn sử dụng 75 thửa và hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng 45 thửa.

- Trình tự đấu giá cho thuê quỹ đất công ích (*hiện nay UBND tỉnh chỉ đạo áp dụng theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT mà Thông tư này chỉ quy định việc cho thuê đất thuộc thẩm quyền đối với cấp huyện, cấp tỉnh*) là quá phức tạp, qua nhiều khâu chưa phù hợp với địa phương cấp xã thực hiện (*số tiền thu được từ việc cho thuê quỹ đất công ích còn ít*) nên việc đấu giá theo quy định của Luật Đất đai còn nhiều bất cập (*chi phí lập hồ sơ, tổ chức đấu giá... lớn hơn số tiền thu được từ việc cho thuê đất*).

2. Trách nhiệm:

- Ban Chỉ đạo của UBND huyện Mộ Đức giai đoạn 2018-2021 chịu trách nhiệm trong việc không chỉ đạo ban hành quy chế hoạt động để làm cơ sở thực hiện. Trong đó, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chịu trách nhiệm với vai trò là cơ quan tham mưu chính trong việc triển khai Chỉ thị 09 nhưng chậm tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, không tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo để làm cơ sở thực hiện, tham gia họp lấy ý kiến khu dân cư không đầy đủ theo đúng Hướng dẫn 2704.

- Chủ tịch UBND 04 xã, thị trấn được thanh tra chịu trách nhiệm trong việc chậm trễ thành lập, kiện toàn Tổ công tác cấp xã; tổ chức việc theo dõi biến động quỹ đất công ích hàng năm chưa chặt chẽ, chưa chính xác giữa hồ sơ và thực tế; lập hồ sơ hệ thống quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý sử dụng còn chưa tuân theo trình tự của Hướng dẫn 2704; xác lập số liệu, thông tin các thửa đất chưa chính xác, còn thiếu sót; cho thuê đất công ích chưa đảm bảo quy định; quản lý quỹ đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý chưa chặt chẽ... được nêu cụ thể trong phần kết quả thanh tra.

IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị biện pháp chỉ đạo xử lý thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và các kiến nghị đối với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi kết thúc thanh tra toàn diện việc thực hiện Chỉ thị 09 trên địa bàn tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh sẽ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền và kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở trong thực hiện Chỉ thị 09 trên địa bàn tỉnh.

2. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức.

2.1. Đối với công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tập trung đơn đốc, chỉ đạo chấn chỉnh việc thực hiện của các xã, thị trấn trên địa bàn để đảm bảo hoàn thành Chỉ thị 09 theo đúng thời hạn UBND tỉnh yêu cầu (đã được gia hạn) và đảm bảo chất lượng.

- Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện của UBND các xã, thị trấn nhằm kịp thời biểu dương, khen thưởng những nơi làm tốt, xử lý nghiêm trách nhiệm những nơi làm chưa tốt để chấn chỉnh.

2.2. Đối với những vi phạm, thiếu sót phát hiện qua thanh tra:

- Chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện: thường xuyên theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị 09 đảm bảo tiến độ đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận gia hạn; chủ động, tích cực phối hợp với UBND các xã, thị trấn để xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND huyện xử lý những thửa đất còn vướng mắc, chưa rõ ràng về nguồn gốc đất, còn tranh chấp...; tiếp tục rà soát và cập nhật, điều chỉnh bổ sung định kỳ theo nội dung Thông báo số 151/TB-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về thông báo kết luận của đồng chí Trần Phước Hiền - Phó Chủ tịch UBND tỉnh về công tác lập hồ sơ hệ thống quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý; thẩm định hồ sơ hệ thống quản lý đất công ích và đất nông nghiệp khác do UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng đảm bảo tính chính xác về số liệu, đúng quy trình theo Hướng dẫn 2704.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn trên địa bàn:

+ Rút kinh nghiệm từ những sai sót, hạn chế tại 04 xã, thị trấn được nêu trong Kết luận này để tổ chức chấn chỉnh, khắc phục, xử lý dứt điểm các tồn tại hạn chế nhằm hình thành nên bộ hồ sơ quản lý đất nông nghiệp và đất công ích chính xác, khách quan, trung thực, đảm bảo có đủ pháp lý để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn.

+ Kiểm tra, xác minh lại hồ sơ địa chính của các thửa đất nông nghiệp do UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng để hoàn thiện, bổ sung vào các Phụ lục số 01, 06, 07 theo đúng Hướng dẫn 2704.

+ Kiểm tra, rà soát lại các hợp đồng thuê đất đã ký giữa UBND các xã, thị trấn và hộ gia đình, cá nhân theo đúng Mẫu số 04 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khẩn trương rà soát lại các trường hợp hộ gia đình, cá nhân canh tác, sử dụng đất công ích nhưng chưa được UBND xã cho thuê đất, tiếp tục triển khai đấu giá để ký hợp đồng cho thuê đất theo đúng quy định. Đối với phần đất nông nghiệp khác mà UBND xã quản lý, hiện nay người dân đang canh tác, sử dụng nhưng chưa cho thuê thì thống kê, làm việc với người sử dụng đất để lập hồ sơ thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Chỉ đạo UBND xã Đức Hiệp khẩn trương xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát, đo đạc, xác định cụ thể hồ sơ địa chính của phần diện tích 97,73ha tại khu vực Núi Vom thuộc đất nông nghiệp do UBND xã quản lý nhưng hiện nay người dân đang canh tác sản xuất nhưng không có giấy tờ về việc cho thuê đất, tổng hợp vào hồ sơ hệ thống quản lý theo đúng quy định hiện hành và Hướng dẫn 2704; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh theo đúng quy định pháp luật.

2.3. Về xem xét xử lý trách nhiệm:

- Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo tổ chức rút kinh nghiệm đối với các thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thuộc trách nhiệm của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện được phân công lĩnh vực này (nếu có) về các nội dung còn tồn tại, hạn chế đã được nêu tại Kết luận này.

- Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn được thanh tra tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về những thiếu sót, sai phạm đã nêu trong Kết luận thanh tra để rút kinh nghiệm, đảm bảo không để xảy ra sai sót tương tự.

UBND huyện Mộ Đức tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại đơn vị trong 15 ngày liên tục để công khai theo quy định tại Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ; sao gửi Kết luận thanh tra đến đơn vị hành chính cấp xã và các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện.

Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra, phải báo cáo kết quả thực hiện cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh (Trần Phước Hiên);
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Mộ Đức;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng NV1, NV5;
- Lưu: VT, Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Trà Thanh Danh